

Số: 06 /NQ-HĐND

Khe Tre, ngày 21 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN KHE TRE**  
**KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương (hiện hành), (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Nam Đông khóa VII, kỳ họp thứ 5 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Sau khi xem xét báo cáo số 254/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn về tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính năm 2022 và dự toán ngân sách năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 với các chỉ tiêu sau:

1. Tổng thu ngân sách: 65.897 triệu đồng

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 61.960 triệu đồng

Trong đó: Thu ngân sách thị trấn hưởng theo phân cấp: 12.996 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách huyện: 3.937 triệu đồng

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 3.483 triệu đồng

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 454 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách (đã trừ tiết kiệm): 16.933 triệu đồng

*(chi tiết đính kèm phụ lục số 01)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND thị trấn Khe Tre có kế hoạch thu, chi ngân sách năm 2023 có hiệu quả, đúng Luật định.

Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có những vấn đề lớn phát sinh, Ủy ban nhân dân thị trấn cùng Thường trực Hội đồng nhân dân thị trấn xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân thị trấn tại kỳ họp gần nhất.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn, Mặt trận và các đoàn thể giám sát việc thực hiện Nghị quyết dự toán ngân sách năm 2023 theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm được pháp luật quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị trấn Khe Tre Khoá VI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND, UBND huyện;
- Phòng Tư pháp huyện;
- Ban Thường vụ Đảng uỷ;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN thị trấn;
- Các ban ngành, đoàn thể thị trấn;
- Các Ban HĐND thị trấn;
- Đại biểu HĐND thị trấn;
- Lưu VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh**





**PHỤ LỤC 01**  
**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND  
ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị trấn Khe Tre)

Đvt: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán
<b>A</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>65.896.874</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>61.960.000</b>
	* Thu ngân sách thị trấn hưởng	12.996.400
<b>1</b>	<b>Các khoản thu thị trấn hưởng 100%</b>	<b>354.000</b>
	Phí, lệ phí (không kể lệ phí trước bạ) (phần xã hưởng)	27.000
	Thu khác (thu tại xã)	27.000
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	300.000
<b>2</b>	<b>Các khoản thu theo tỷ lệ</b>	<b>61.606.000</b>
	* Các khoản thu tỷ lệ (phần thị trấn hưởng)	12.642.400
	Lệ phí môn bài	106.000
	Ngân sách huyện hưởng	63.600
	Ngân sách thị trấn hưởng	42.400
	Thuế Giá trị gia tăng	1.000.000
	Ngân sách huyện hưởng	600.000
	Ngân sách thị trấn hưởng	400.000
	Thuế Thu nhập cá nhân	500.000
	Ngân sách huyện hưởng	300.000
	Ngân sách thị trấn hưởng	200.000
	Tiền sử dụng đất	60.000.000
	Ngân sách huyện hưởng	48.000.000
	Ngân sách thị trấn hưởng	12.000.000
<b>II</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách huyện</b>	<b>3.936.874</b>
	Tr đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	3.482.874
	- Bổ sung có mục tiêu	454.000
<b>B</b>	<b>Tổng chi (Đã trừ tiết kiệm)</b>	<b>16.933.274</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>	<b>12.080.000</b>
<b>1</b>	Từ nguồn sử dụng đất	12.000.000
	Trong đó: Công tác đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính	1.200.000
<b>2</b>	Kinh phí nhà ở 22	80.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.764.774</b>
<b>1</b>	Sự nghiệp kinh tế (đã trừ tiết kiệm)	36.000
<b>2</b>	Sự nghiệp chi đảm bảo xã hội (đã trừ tiết kiệm)	57.700
<b>3</b>	SN Giáo dục (đã trừ tiết kiệm)	18.000
<b>4</b>	SN Y tế (đã trừ tiết kiệm)	27.000
<b>5</b>	SN Văn hóa thông tin (đã trừ tiết kiệm)	59.200
	Trong đó: Khen thưởng gia đình văn hóa tiêu biểu	7.200



6	SN Phát thanh (đã trừ tiết kiệm)	13.500
7	SN Thể dục, thể thao (đã trừ tiết kiệm)	14.400
<b>8</b>	<b>Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể (đã trừ tiết kiệm)</b>	<b>4.016.974</b>
<i>a</i>	Chi quản lý nhà nước	3.267.160
	<i>Trong đó: BS mục tiêu KP phòng cháy chữa cháy theo NQ 26/2021/NQ-HĐND</i>	300.000
	<i>Bổ sung mục tiêu công tác hòa giải cơ sở</i>	15.000
<i>b</i>	Chi hoạt động UBND	359.100
<i>c</i>	Chi hoạt động của Đảng	114.834
	<i>Trong đó: Chi hoạt động</i>	64.834
	<i>Bổ sung mục tiêu biên soạn lịch sử Đảng bộ</i>	50.000
<i>d</i>	Chi Hội Đồng Nhân Dân	52.380
<i>e</i>	Chi Mặt Trận	32.500
<i>g</i>	Chi hội Nông dân	54.500
	<i>Trong đó: Đại hội nông dân</i>	9.000
<i>h</i>	Chi hội Phụ nữ	45.500
<i>i</i>	Chi Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	45.500
<i>k</i>	Chi hội Cựu chiến binh	45.500
<i>9</i>	Chi tổ chức chính trị - xã hội	71.500
10	Chi Quốc phòng-An ninh	439.700
	Chi Quốc phòng	68.000
	Chi An ninh trật tự	22.000
	Phụ cấp dân quân tự vệ	349.700
11	Chi khen thưởng lao động tiên tiến	6.600
12	Chi khác	4.200
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>88.500</b>